

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** C1.A104
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 7h30 **Ngày thi:** 13/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mặt khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0109	SV5929114	Bùi Văn	Tâm	27/08/1999		
2	TA0110	SV5929115	Trương Văn	Thắng	26/07/1999		
3	TA0111	SV5929116	Nguyễn Diệu	Thanh	07/10/1999		
4	TA0112	SV5929117	Nguyễn Viết	Thành	23/04/1999		
5	TA0113	SV5929118	Phùng Khánh	Thành	24/07/1995		
6	TA0114	SV5929119	Tổng Văn	Thao	24/11/1999		
7	TA0115	SV5929120	Cù Thị Phương	Thảo	10/10/1999		
8	TA0116	SV5929121	Hoàng Thị Phương	Thảo	27/04/1999		
9	TA0117	SV5929122	Hà Bách	Thịnh	31/01/1999		
10	TA0118	SV5929123	Trần Đăng	Thịnh	11/11/1999		
11	TA0119	SV5929124	Đoàn Thị	Thoan	10/12/1999		
12	TA0120	SV5929125	Nguyễn Thị Hoài	Thương	26/03/1999		
13	TA0121	SV5929126	Đặng Đức	Thường	18/02/1999		
14	TA0122	SV5929127	Nguyễn Quang	Tiến	11/07/1999		
15	TA0123	SV5929128	Trịnh Ngọc	Trâm	18/11/1999		
16	TA0124	SV5929129	Lò Thuỳ	Trang	15/01/1999		
17	TA0125	SV5929130	Nguyễn Huyền	Trang	03/11/1999		
18	TA0126	SV5929131	Tào Thuỳ	Trinh	15/08/1999		
19	TA0127	SV5929132	Đỗ Minh	Trung	25/07/1999		
20	TA0128	SV5929133	Đoàn Đức	Trung	11/03/1998		
21	TA0129	SV5929134	Phạm NgọcC	Trung	23/10/1999		
22	TA0130	SV5929135	Nguyễn Văn	Trường	22/02/1999		
23	TA0131	SV5929136	Vương Tất	Trường	01/07/1999		
24	TA0132	SV5929137	Nguyễn Trí	Tuân	11/03/1998		
25	TA0133	SV5929138	Ma Văn	Tuấn	20/05/1999		
26	TA0134	SV5929139	Nguyễn Quốc	Tuấn	15/01/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0135	SV5929140	Nguyễn Thị Tú	Uyên	05/02/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)